

Số: 1900/STP-BTTP

Hưng Yên, ngày 01 tháng 10 năm 2026

V/v phối hợp đăng tải trên  
Cổng Thông tin điện tử của tỉnh  
các tổ chức và chức danh tư pháp  
trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định tại Luật Công chứng, Luật Luật sư, Luật Đấu giá tài sản, Luật Giám định tư pháp và các văn bản pháp luật khác có liên quan về lập, công bố danh sách các tổ chức và chức danh tư pháp trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tiếp cận với các thông tin về dịch vụ pháp lý thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp của tỉnh; thực hiện chức năng là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động hỗ trợ tư pháp tại địa phương, Sở Tư pháp đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung, lập danh sách các tổ chức, chức danh tư pháp thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh (theo Danh sách chi tiết).

Sở Tư pháp trân trọng đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp công bố danh sách các tổ chức, chức danh tư pháp trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh./.

(Gửi kèm Công văn này Danh sách các tổ chức, chức danh tư pháp trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Hỗ trợ tư pháp - BTP;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Cổng Thông tin điện tử STP;
- Lưu: VT, BTTP.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Thế Tiệm**

**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, CHỨC DANH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC BỒ TRỢ TƯ PHÁP  
TÍNH ĐẾN THÁNG 10 NĂM 2026**

(Kèm theo Công văn số 1900/STP-BTTP ngày 01/10/2026)

**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

| STT | Tổ chức, cá nhân hành nghề luật sư | Số Giấy đăng ký hoạt động  | Địa chỉ trụ sở giao dịch                                                              | Giám đốc công ty/Trưởng văn phòng |
|-----|------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1   | VPLS Phúc Sơn                      | Số 33.2007.01.0001/TP/ĐKHĐ | Số 35 Nam Thành, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên                                       | Bùi Đình Sơn                      |
| 2   | VPLS Thanh Bằng                    | Số 05-01-0007/TP/ĐKHĐ      | Số 28/9 đường Tổng Trân, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên        | Nguyễn Đức Thắng                  |
| 3   | VPLS Trọng Hoàn                    | Số 05-01-0009/TP/ĐKHĐ      | Thị tứ Bô Thời, xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên                         | Đào Văn Hoàn                      |
| 4   | VPLS Phố Hiến và Cộng sự           | Số 05-01-0001/TP/ĐKHĐ      | Số nhà 240 đường Triệu Quang Phục, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên   | Lê Tiến Lực                       |
| 5   | VPLS Hoàng Gia                     | Số 05-01-0025/TP/ĐKHĐ      | Căn hộ SH1,2, tòa M3,3, chung cư PH, phường Hiến Nam, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên      | Nguyễn Khắc Anh                   |
| 6   | Công ty luật TNHH Ánh Dương        | Số 05-02-0023/TP/ĐKHĐ      | Thôn Vô Ngại, phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên                                         | Nguyễn Thị Đơn                    |
| 7   | Công ty luật TNHH Phúc Khánh       | Số 33.2019.02.0002/TP/ĐKHĐ | số 61, đường Chùa Chuông, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên                              | Nguyễn Văn Phúc                   |
| 8   | Công ty Luật TNHH Seigi            | Số 33.2022.02.0003/TP/ĐKHĐ | THA093, phố Thảo Nguyên, khu đô thị Ecopark, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên             | Trần Thị Hà                       |
| 9   | Công ty luật TNHH Lê Thị           | Số 05-02-0051/TP/ĐKHĐ      | thôn Khóa nhu 2, xã Yên Hòa, tỉnh Hưng Yên                                            | Lê Thị Thu                        |
| 10  | Công ty Luật TNHH Luật sư Nguyễn   | Số 05-06-0053/TP/ĐKHĐ      | SB6-88 khu đô thị Vinhomes Ocean Park 2 xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. | Nguyễn Thị Thanh Thủy             |
| 11  | VPLS Dương Quang                   | Số 33-2025-01-0004/TP/ĐKHĐ | Thôn Tăng Bảo, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                                            | Vũ Hồng Quang                     |
| 12  | VPLS Thái Bình                     | Số 08/01/0004/TP/ĐKHĐ      | Số nhà 240, đường Trần Thánh Tông, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                | Nguyễn Văn Hải                    |
| 13  | VPLS Phạm Quốc Hiệp                | Số 08/01/0006/TP/ĐKHĐ      | Số nhà 103, phố Phan Bá Vành, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên                          | Phạm Quốc Hiệp                    |

|    |                                             |                       |                                                                                    |                      |
|----|---------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 14 | VPLS Thiên Văn                              | Số 08/01/0008/TP/ĐKHĐ | Số nhà 25, đường Hoàng Công Chất, tổ 14, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên       | Trần Xuân Hùng       |
| 15 | VPLS Tôn Nữ Thu Hà & Cộng sự                | Số 08/01/0010/TP/ĐKHĐ | Số nhà 341, tổ 50, Khu đô thị Kỳ Bá, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên                | Tôn Nữ Thu Hà        |
| 16 | VPLS Phạm Hữu Lâm & Cộng sự                 | Số 08/01/0011/TP/ĐKHĐ | Số nhà 02, ngõ 69, phố Nguyễn Danh Đới, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên             | Phạm Hữu Lâm         |
| 17 | VPLS Miền Bắc                               | Số 08/01/0012/TP/ĐKHĐ | Số nhà 03, phố Nguyễn Danh Đới, tổ 2, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên               | Đặng Văn Luân        |
| 18 | VPLS Ngọc Sơn                               | Số 08/01/0012/TP/ĐKHĐ | SN 154 Trần Thủ Độ, tổ 19, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên                         | Nguyễn Văn Ngọc      |
| 19 | VPLS Thành Hưng                             | Số 12/2011/TP/ĐKHĐ    | Khu Chàng 1, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên                                             | Ngô Thành Hưng       |
| 20 | VPLS Dân Chính                              | Số 08/01/0014/TP/ĐKHĐ | Thôn Vũ Đông, xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên                                      | Lê Văn Bình          |
| 21 | VPLS Nguyễn Cường & Cộng sự                 | Số 08/01/0015/TP/ĐKHĐ | Số nhà 59 đường Nguyễn Trãi, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên                         | Nguyễn Minh Cường    |
| 22 | VPLS Đình Giá & Cộng sự                     | Số 08/01/0016/TP/ĐKHĐ | Tổ 7, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên                                                 | Nguyễn Đình Giá      |
| 23 | VPLS Huy Hiếu & Cộng sự                     | Số 08/01/0021/TP/ĐKHĐ | SN 145, Chu Văn An, tổ 43, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                     | Nguyễn Huy Hiếu      |
| 24 | VPLS Phạm Hoan & Cộng sự                    | Số 08/01/0022/TP/ĐKHĐ | Thôn Hiến Nạp, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên                                           | Phạm Hoan            |
| 25 | VPLS Phúc Hùng                              | Số 08/01/0033/TP/ĐKHĐ | Số nhà 25, đường Hai Bà Trưng, tổ 1, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên               | Ngô Xuân Phúc        |
| 26 | VPLS 379                                    | Số 08/01/0044/TP/ĐKHĐ | Lô 35, LK5, đường số 3, khu 2, Khu đô thị 379, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên | Phạm Văn Hoàng       |
| 27 | Công ty Luật TNHH một thành viên BICLAW     | Số 08/02/0001/TP/ĐKHĐ | Số nhà 10, ngõ 26, đường Lê Đại Hành, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên               | Nguyễn Thị Hương Lan |
| 28 | Công ty luật TNHH Số 1 Quốc Việt            | Số 08/02/0030/TP/ĐKHĐ | Số nhà 84, tổ 15, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                              | Lê Tiến Dũng         |
| 29 | Công ty luật TNHH Thuận Phong               | Số 08/02/0031/TP/ĐKHĐ | Số nhà 11, đường Lê Quý Đôn, tổ 18, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên                 | Nguyễn Ngọc Thái     |
| 30 | Công ty luật TNHH một thành viên Thái Phong | Số 08/02/0032/TP/ĐKHĐ | Số 66, phố Kỳ Đồng, TDP Thị Độc, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên                         | Trần Thị Dung        |
| 31 | Công ty luật TNHH PASA PARTNERS             | Số 08/02/0035/TP/ĐKHĐ | Số 290, đường Trần Thánh Tông, tổ 1, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên           | Vũ Văn Hiến          |

|    |                                 |                            |                                                                                     |                       |
|----|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 32 | Công ty luật TNHH Tiền Hải      | Số 08/02/0040/TP/ĐKHĐ      | Số nhà 11, phố Nguyễn Trung Khuyến, tổ dân phố số 4, xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên     | Trần Thị Thu          |
| 33 | Công ty Luật TNHH ATP           | Số 33.2026.02.0064/TP/ĐKHĐ | Thôn Ngọc Lịch, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                                         | Phạm Thị Thanh        |
| 34 | VPLS Tiến Đức                   | Số 33.2026.01.0065/TP/ĐKHĐ | Lô số 8 đường Thảo Viên, khu đô thị V-Green City, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên | Nguyễn Văn Hoan       |
| 35 | Công ty Luật TNHH Huy Hoàng Gia | Số 33.2026.02.0070/TP/ĐKHĐ | Số nhà 75 Phạm Ngũ Lão, Nhân Cầu 3, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên                       | Trần Huy Hoàng        |
| 36 | Công ty luật TNHH Giang Thành   | Số 33.2026.02.0071/TP/ĐKHĐ | Lô 12, khu B, chợ Phố Hiến, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên                          | Phạm Quốc Tuấn        |
| 37 | Công ty luật TNHH Thịnh An Vũ   | Số 33.2026.02.0072/TP/ĐKHĐ | Số L20/LK2, khu dân cư Damsan Phú Xuân, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên         | Vũ Thị Oanh           |
| 38 | Công ty luật TNHH Văn Giang     | Số 33.2026.02.0076/TP/ĐKHĐ | Số 67, khu đô thị mới Văn Giang, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên                        | Lưu Toàn Nghĩa        |
| 39 | Công ty luật Phúc Đăng          | Số 33.2026.02.0077/TP/ĐKHĐ | Số 51 Mậu Dương, phường Hồng Châu, tỉnh Hưng Yên                                    | Nguyễn Thị Phương Lan |

**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC HÀNH CÔNG CHỨNG**

| <b>STT</b> | <b>Tổ chức hành nghề công chứng</b> | <b>Số Giấy đăng ký hoạt động</b> | <b>Địa chỉ</b>                                                              | <b>Trưởng Văn phòng Công chứng/Trưởng Phòng Công chứng</b> |
|------------|-------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1          | VPCC Hưng Yên                       | Số 33.2016.02.0001/TP-ĐKHĐ-CC    | Số 701-703, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên           | Ninh Khánh Ly                                              |
| 2          | VPCC B9                             | Số 02/TP-ĐKHĐ-CC                 | Số 642, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên               | Phạm Tuấn Hùng                                             |
| 3          | VPCC Lê Ngọc Chấn                   | Số 03/TP-ĐKHĐ-CC                 | Số 289, đường Sài Thị, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên                         | Lê Ngọc Chấn                                               |
| 4          | VPCC Trần Văn Quý                   | Số 04/TP-ĐKHĐ-CC                 | Số 01, phố Văn Giang, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên                           | Trần Văn Quý                                               |
| 5          | VPCC Phố Hiến                       | Số 05/TP-ĐKHĐ-CC                 | Phố Nối, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên                                  | Đinh Thị Đua                                               |
| 6          | VPCC Mạc Văn Dũng                   | Số 06/TP-ĐKHĐ-CC                 | Số 85, phố Văn Giang, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên                           | Mạc Văn Dũng                                               |
| 7          | VPCC Đông Hà Nội                    | Số 33.2023.02.0007/TP-ĐKHĐ-CC    | Số ĐKSH.KT-03, Khu đô thị sinh thái Dream City, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên | Nguyễn Anh Tuấn                                            |
| 8          | VPCC Văn Lâm                        | Số 08/TP-ĐKHĐ-CC                 | Thôn Đình Dù, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                                   | Lý Thị Hương Giang                                         |
| 9          | VPCC Văn Giang                      | Số 33.2010.02.0009/TP-ĐKHĐ-CC    | Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên                                                | Nguyễn Diệu Linh                                           |
| 10         | VPCC Nguyễn Hưng                    | Số 10/TP-ĐKHĐ-CC                 | Số 66, đường Nguyễn Lương Bằng, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên                | Nguyễn Bá Hưng                                             |
| 11         | VPCC Nguyễn Thị Bích Điền           | Số 11/TP-ĐKHĐ-CC                 | Số 36, đường Nguyễn Bình, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên                      | Nguyễn Thị Bích Điền                                       |

|    |                        |                               |                                                                                            |                   |
|----|------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 12 | VPCC Kinh Đô           | Số 33.2025.02.0012/TP-ĐKHĐ-CC | Số ĐLBM-243, Vinhomes Ocean Park 3, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                            | Đặng Quốc Việt    |
| 13 | VPCC Vũ An             | Số 13/TP-ĐKHĐ-CC              | Đường Nội Thị 1, khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên                            | Vũ Khắc An        |
| 14 | VPCC An Dũng           | Số 14/TP-ĐKHĐ-CC              | Số 576, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên                              | An Văn Dũng       |
| 15 | VPCC Đàm Ngọc Thế      | Số 33.2021.02.0015/TP-ĐKHĐ-CC | Khu Trung tâm thương mại Ân Thi, phố Bùi Thị Cúc, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                 | Đàm Ngọc Thế      |
| 16 | VPCC Phạm Thị Hoàn     | Số 33.2025.02.0016/TP-ĐKHĐ-CC | Số 95 Bình An, xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên                                                    | Phạm Thị Hoàn     |
| 17 | VPCC Hà Anh Tuấn       | Số 17/TP-ĐKHĐ-CC              | Số 68 Phố Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                                      | Hà Anh Tuấn       |
| 18 | VPCC Nguyễn Mạnh Cường | Số 18/TP-ĐKHĐ-CC              | Số nhà 05, đường Nguyễn Văn Năng, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên                              | Nguyễn Mạnh Cường |
| 19 | VPCC Nguyễn Thị Ngân   | Số 19/TP-ĐKHĐ-CC              | Lô số 20 dãy liền kề 05 Khu dân cư đô thị phía tây Quốc lộ 10, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên | Nguyễn Thị Ngân   |
| 20 | VPCC Trần Anh          | Số 20/TP-ĐKHĐ-CC              | Số nhà 34, đường Trần Hưng Đạo, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên                                | Trần Thị Vân Anh  |
| 21 | VPCC Phạm Thị Lan      | Số 21/TP-ĐKHĐ-CC              | Số 405 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                            | Phạm Thị Lan      |
| 22 | VPCC Huy Giang         | Số 33.2021.02.0022/TP-ĐKHĐ-CC | Số 92, đường 14/10, thôn số 05, xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên                                 | Trịnh Xuân Toàn   |
| 23 | VPCC Diêm Điền         | Số 33.2022.02.0023/TP-ĐKHĐ-CC | Số 38, phố Đồng Miếu, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên                                          | Phạm Văn Khanh    |
| 24 | VPCC Nguyễn Thị Hiến   | Số 33.2014.02.0024/TP-ĐKHĐ-CC | Đường số 4, phố Đồng Miếu, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên                                     | Nguyễn Thị Hiến   |

|    |                       |                                   |                                                                         |                   |
|----|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 25 | VPCC Đinh Công Hưng   | Số 25/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số 25 phố Hoàng Diệu, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên                   | Đinh Công Hưng    |
| 26 | VPCC Ngô Huy          | Số 26/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số nhà 301, đường Long Hưng, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên                  | Ngô Xuân Huy      |
| 27 | VPCC Phạm Ngọc Dậu    | Số 27/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số nhà 169B, phố Lê Lợi, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên            | Phạm Ngọc Dậu     |
| 28 | VPCC Nguyễn Xuân Thọ  | Số 28/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số 257, phố Lý Thái Tổ, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên                  | Nguyễn Xuân Thọ   |
| 29 | VPCC Đặng Ngọc Tuấn   | Số 29/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số 139, phố Lê Quý Đôn, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên                  | Đặng Ngọc Tuấn    |
| 30 | VPCC Trần Danh Phương | Số 30/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số nhà 36, đường Ngô Quang Bích, xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên             | Trần Danh Phương  |
| 31 | VPCC Trần Mộng Lam    | Số 31/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số 769, đường Trần Nhân Tông, xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên              | Trần Mộng Lam     |
| 32 | VPCC Đặng Ngọc Quý    | Số 32/TP-ĐKHĐ-CC                  | Số 12, đường 10B, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên                         | Đặng Ngọc Quý     |
| 33 | VPCC Đào Thịnh Vượng  | Số 33.2025.02.0033/<br>TP-ĐKHĐ-CC | Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên                                          | Đào Thịnh Vượng   |
| 34 | VPCC Đào Huy Hoàng    | Số 33.2025.02.0034/<br>TP-ĐKHĐ-CC | Số 124, Bùi Thị Cúc, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                           | Phạm Bá Tuyên     |
| 35 | VPCC Nghĩa Trụ        | Số 33.2026.02.0035/<br>TP-ĐKHĐ-CC | PT1.TV-120, Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên | Nguyễn Minh Vương |
| 36 | Phòng công chứng số 1 | Phòng Công Chứng                  | Số 106 Nguyễn Văn Linh, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng yên                    | Trần Tuấn Anh     |

## DANH SÁCH CÁC CÔNG CHỨNG VIÊN

| STT | Họ và tên          | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi thường trú                                        | Quyết định và ngày, tháng, năm bổ nhiệm                | Số Thẻ CCV                        | Tổ chức hành nghề công chứng |
|-----|--------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|
| 1   | Trần Tuấn Anh      | 29/01/1974            | Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | Quyết định số 1272/QĐ-BTP ngày 06/7/2023               | Số 40/CCV cấp ngày 13/7/2023      | Phòng CC số 1                |
| 2   | Nguyễn Thị Thuỷ    | 02/12/1983            | Thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | Quyết định số 1961/QĐ-BTP ngày 05/11/2015              | Số 06/CCV cấp ngày 25/11/2015     |                              |
| 3   | Nguyễn Thành Xuân  | 29/06/1953            | Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên                           | Quyết định số 2387/QĐ-BTP ngày 27/9/2013               | Số 1408/TP-CC cấp ngày 21/5/2014  | VPCC Văn Giang               |
| 4   | Nguyễn Diệu Linh   | 03/10/1989            | Thôn Đan Kim, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên             | Quyết định số 895/QĐ-BTP ngày 31/5/2023                | Số 51/CCV cấp ngày 29/6/2023      |                              |
| 5   | Nguyễn Bá Nghĩa    | 18/10/1945            | Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên                          | Quyết định bổ nhiệm lại số 4069/QĐ-BTP ngày 29/12/2009 | Số 33.0080/CCV cấp ngày 13/8/2025 |                              |
| 6   | Lý Thị Hương Giang | 16/06/1972            | Phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên                          | Quyết định số 2119/QĐ-BTP ngày 14/11/2008              | Số 74/TP-CC cấp ngày 09/11/2010   | VPCC Văn Lâm                 |
| 7   | Lê Thị Nguyệt      | 13/02/1987            | Thôn Như Lân, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên             | Quyết định số 3104/QĐ-BTP ngày 17/11/2014              | Số 07/CCV cấp ngày 03/3/2016      |                              |
| 8   | Đinh Thị Đua       | 25/10/1958            | Thôn Xuân Tràng, xã Hoàn Long, tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 03/01/2014                | Số 1411/TP-CC cấp ngày 21/5/2014  | VPCC Phố Hiến                |
| 9   | Nguyễn Văn Tuyển   | 20/05/1954            | Thôn Trung Đạo, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên              | Quyết định số 4640/QĐ-BTP ngày 30/12/2011              | Số 954/TP-CC cấp ngày 08/8/2012   |                              |
| 10  | Lê Ngọc Chấn       | 25/08/1950            | Xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên                          | Quyết định số 4056/QĐ-BTP ngày 14/10/2011              | Số 1407/TP-CC cấp ngày 21/5/2014  | VPCC Lê Ngọc Chấn            |
| 11  | Phạm Văn Sơn       | 02/08/1948            | Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên                          | Quyết định số 708/QĐ-BTP ngày 08/02/2010               | Số 76/TP-CC cấp ngày 09/11/2010   |                              |
| 12  | An Văn Dũng        | 25/01/1950            | Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên                         | Quyết định số 1235/QĐ-BTP ngày 25/7/2011               | Số 11/CCV cấp ngày 04/8/2017      | VPCC An Dũng                 |

|    |                      |            |                                                   |                                                                         |                                         |                              |
|----|----------------------|------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|
| 13 | Phạm Thị Hà          | 07/02/1959 | Phường Thượng Hồng,<br>tỉnh Hưng Yên              | Quyết định số 2134/QĐ-<br>BTP ngày 17/9/2014                            | Số 12/CCV<br>cấp ngày 04/08/2017        |                              |
| 14 | Phạm Tuấn Hùng       | 05/02/1952 | Phường Phố Hiến,<br>tỉnh Hưng Yên                 | Quyết định số 492/QĐ-BTP<br>ngày 21/3/2012                              | Số 1409/TP-CC<br>cấp ngày 21/5/2014     | VPCC B9                      |
| 15 | Nguyễn Phúc Tuy      | 19/06/1955 | Phường Phố Hiến,<br>tỉnh Hưng Yên                 | Quyết định số 2169/QĐ-<br>BTP ngày 31/10/2017                           | Số 14/CCV<br>cấp ngày 08/11/2017        |                              |
| 16 | Vũ Trung Hòa         | 30/12/1996 | TDP Chợ Lạng, phường<br>Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình  | Quyết định số 256/QĐ-<br>UBND ngày 22/7/2025<br>của UBND tỉnh Ninh Bình | Số 33.0078/CCV<br>cấp ngày 31/7/2025    |                              |
| 17 | Nguyễn Ngọc Tăng     | 12/03/1953 | Phường Phố Hiến,<br>tỉnh Hưng Yên                 | Quyết định số 741/ QĐ-BTP<br>ngày 04/4/2013                             | Số 21/CCV<br>cấp ngày 20/11/2019        | VPCC Vũ An                   |
| 18 | Vũ Khắc An           | 23/12/1952 | Thôn Kim Đằng, phường Sơn<br>Nam, tỉnh Hưng Yên   | Quyết định số 108/QĐ-BTP<br>ngày 27/01/2011                             | Số 22/CCV<br>cấp ngày 20/11/2019        |                              |
| 19 | Trương Tuấn Lương    | 27/10/1978 | Thôn Đan Nhiễm, xã Văn<br>Giang,<br>tỉnh Hưng Yên | Quyết định số 1311/QĐ-<br>BTP ngày 03/8/2011                            | Số 33.0084/TP-CCV<br>cấp ngày 26/9/2025 |                              |
| 20 | Nguyễn Thị Bích Điền | 15/09/1960 | Phường Phố Hiến,<br>tỉnh Hưng Yên                 | Quyết định số 2170/QĐ-<br>BTP ngày 31/10/2017                           | Số 23/CCV<br>cấp ngày 08/01/2020        | VPCC Nguyễn Thị<br>Bích Điền |
| 21 | Nguyễn Tiến Mạnh     | 10/01/1986 | Xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên                       | Quyết định số 919/QĐ-BTP<br>ngày 02/6/2023                              | Số 56/CCV<br>cấp ngày 31/10/2024        |                              |
| 22 | Đàm Ngọc Thê         | 21/12/1987 | Xã Phụng Công, tỉnh Hưng<br>Yên                   | Quyết định số 2555/QĐ-<br>BTP ngày 11/12/2017                           | Số 28/CCV<br>cấp ngày 30/12/2021        | VPCC Đàm Ngọc Thê            |
| 23 | Nguyễn Văn Nam       | 05/08/1994 | Xã Văn Giang, tỉnh Hưng<br>Yên                    | Quyết định số 2079/QĐ-<br>BTP ngày 24/8/2023                            | Số 49/CCV<br>cấp ngày 12/9/2023         |                              |
| 24 | Trần Văn Quý         | 28/07/1962 | Phường Phố Hiến,<br>tỉnh Hưng Yên                 | Quyết định số 1653/QĐ-<br>BTP ngày 02/11/2021                           | Số 32/CCV<br>cấp ngày 06/7/2022         | VPCC Trần Văn Quý            |
| 25 | Doãn Thị Hằng        | 15/08/1992 | Thôn Phù Thượng, xã Mỹ Sở,<br>tỉnh Hưng Yên       | Quyết định số 672/QĐ-BTP<br>ngày 15/04/2022                             | Số 33/CCV<br>cấp ngày 06/7/2022         |                              |

|    |                      |            |                                                         |                                                                  |                                       |                      |
|----|----------------------|------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| 26 | Mạc Văn Dũng         | 18/06/1978 | Thôn Vĩnh An, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên               | Quyết định số 2836/QĐ-BTP ngày 31/10/2012                        | Số 40/CCV cấp ngày 19/7/2023          | VPCC Mạc Văn Dũng    |
| 27 | Đặng Ánh             | 22/12/1948 | Phố Văn Giang, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên              | Quyết định số 1356/QĐ-BTP ngày 23/6/2009                         | Số 41/CCV cấp ngày 19/7/2023          |                      |
| 28 | Nguyễn Bá Hưng       | 31/10/1984 | Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên                            | Quyết định số 15/QĐ-BTP ngày 06/1/2023                           | Số 61/CCV cấp ngày 08/5/2025          | VPCC Nguyễn Hưng     |
| 29 | Đàm Thị Thu Thảo     | 03/9/1986  | Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên                            | Quyết định số 2480/QĐ-BTP ngày 04/12/2017                        | Số 59/CCV cấp ngày 08/5/2025          |                      |
| 30 | Phạm Như Hiền        | 05/04/1960 | Xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên                             | Quyết định số 2444/QĐ-BTP ngày 08/12/2020                        | Số 33.0091/TP-CCV cấp ngày 30/01/2026 | VPCC Đông Hà Nội     |
| 31 | Nguyễn Văn Mích      | 26/12/1977 | Xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên                            | Quyết định số 2255/QĐ-BTP ngày 01/12/2008                        | Số 33.0092/TP-CCV cấp ngày 30/01/2026 |                      |
| 32 | Nguyễn Anh Tuấn      | 11/02/1988 | Phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội                    | Quyết định số 262/QĐ-STP ngày 13/02/2026                         | Số 33.0096/TP-CCV cấp ngày 20/3/2026  |                      |
| 33 | Đào Thịnh Vượng      | 09/11/1945 | Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                                | Quyết định số 2127/QĐ-BTP ngày 02/8/2018                         | Số 62/CCV cấp ngày 30/6/2025          | VPCC Đào Thịnh Vượng |
| 34 | Đặng Hữu Anh         | 24/08/1987 | Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên                            | Quyết định số 1526/QĐ-BTP ngày 22/9/2017                         | Số 63/CCV cấp ngày 30/6/2025          |                      |
| 35 | Đặng Quốc Việt       | 12/02/1988 | Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                             | Quyết định số 1876/QĐ-BTP ngày 01/9/2016                         | Số 33.0098/TP-CCV cấp ngày 29/7/2026  | VPCC Kinh Đô         |
| 36 | Dương Thị Nguyệt Ánh | 06/10/1986 | Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên                             | Quyết định số 927/QĐ-BTP ngày 02/6/2023                          | Số 33.0099/TP-CCV cấp ngày 29/7/2026  |                      |
| 37 | Ninh Khánh Ly        | 03/11/1993 | Thôn Diệt Pháp, xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên               | Quyết định Số 876/QĐ-BTP ngày 30/5/2023                          | Số 73/CCV cấp ngày 02/7/2025          | VPCC Hưng Yên        |
| 38 | Đoàn Thị Tuyết Lê    | 19/04/1961 | Đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên   | Quyết định Số 1705/QĐ-BTP ngày 24/9/2015                         | Số 74/CCV cấp ngày 2/7/2025           |                      |
| 39 | Nguyễn Quốc Bảo Khôi | 03/08/1999 | Tập thể May Chùa Chuông, phường phố Hiến, tỉnh Hưng Yên | Quyết định số: 351/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên | 33.0081/CCV cấp ngày 21/8/2025        |                      |

|    |                        |            |                                       |                                                                  |                                       |                       |
|----|------------------------|------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
|    |                        |            |                                       |                                                                  |                                       |                       |
| 40 | Đinh Công Hưng         | 30/10/1969 | Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên       | Quyết định số 1337/QĐ-BTP ngày 24/7/2008                         | Số 22/CCV cấp ngày 17/8/2017          | VPCC Đinh Công Hưng   |
| 41 | Phạm Thúy Hằng         | 02/10/1978 | Phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 1096/QĐ-BTP ngày 13/5/2013                         | Số 24/CCV cấp ngày 17/8/2017          |                       |
| 42 | Nguyễn Xuân Thọ        | 08/7/1976  | Xã Vũ Quý, tỉnh Hưng Yên              | Quyết định số 3214/QĐ-BTP ngày 01/12/2014                        | Số 20/CCV cấp ngày 05/6/2017          | VPCC Nguyễn Xuân Thọ  |
| 43 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 04/4/1963  | Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên       | Quyết định số 291/QĐ-BTP ngày 17/02/2020                         | 38/CCV cấp ngày 04/3/2020             |                       |
| 44 | Bùi Thị Linh           | 02/02/1988 | Tổ 05, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên | Quyết định số: 535/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên | 33.0082/CCV cấp ngày 29/8/2025        |                       |
| 45 | Đặng Ngọc Tuấn         | 26/12/1971 | Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên        | Quyết định số 3363/QĐ-BTP ngày 17/12/2014                        | Số 32/CCV cấp ngày 12/9/2024          | VPCC Đặng Ngọc Tuấn   |
| 46 | Trịnh Thị Tươi         | 08/3/1975  | Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên        | Quyết định số 1031/QĐ-BTP ngày 14/6/2023                         | Số 52/CCV cấp ngày 05/7/2023          |                       |
| 47 | Phạm Thị Hồng Phương   | 02/6/1991  | Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên       | Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên  | Số 33.0087/TP-CCV cấp ngày 11/11/2025 |                       |
| 48 | Trần Danh Phương       | 19/5/1954  | Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên   | Quyết định số 33/QĐ-TCCQ ngày 11/01/1996                         | Số 62/CCV cấp ngày 03/01/2025         | VPCC Trần Danh Phương |
| 49 | Nguyễn Duy Kiều        | 19/5/1949  | Xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 110/QĐ-BTP ngày 27/01/2011                         | Số 64/CCV cấp ngày 03/01/2025         |                       |
| 50 | Đỗ Thùy Dương          | 15/5/1960  | Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội | Quyết định số 1078/QĐ-UB ngày 20/5/1992                          | Số 33.0097/TP-CCV cấp ngày 02/4/2026  |                       |
| 51 | Nguyễn Thị Ngân        | 23/3/1956  | Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên   | Quyết định số 963/QĐ-BTP ngày 16/6/2011                          | Số 15/CCV cấp ngày 15/12/2016         | VPCC Nguyễn Thị Ngân  |

|    |                         |            |                                                 |                                               |                                      |                           |
|----|-------------------------|------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|
| 52 | Phí Tiến Dũng           | 09/1/1952  | Phường Trần Hưng Đạo,<br>tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 1789/QĐ-<br>BTP ngày 21/6/2012  | Số 16/CCV<br>cấp ngày 15/12/2016     |                           |
| 53 | Đặng Ngọc Quý           | 16/12/1971 | Phường Trần Hưng Đạo,<br>tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 110/QĐ-BTP<br>ngày 18/01/2013   | Số 18/CCV<br>cấp ngày 11/5/2017      | VPCC Đặng Ngọc Quý        |
| 54 | Nguyễn Viết Ngự         | 02/3/1955  | Phường Trần Lâm, tỉnh Hưng<br>Yên               | Quyết định số 3367/QĐ-<br>BTP ngày 17/12/2014 | Số 19/CCV<br>cấp ngày 11/5/2017      |                           |
| 55 | Lương Hùng Cường        | 01/6/1966  | Phường Trần Hưng Đạo,<br>tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 289/QĐ-BTP<br>ngày 17/02/2020   | Số 40/CCV<br>cấp ngày 24/4/2020      |                           |
| 56 | Nguyễn Thị Hiến         | 26/10/1958 | Phường Trần Hưng Đạo,<br>tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 255/QĐ-BTP<br>ngày 24/01/2014   | Số 13/CCV<br>cấp ngày 15/12/2016     | VPCC Nguyễn Thị<br>Hiến   |
| 57 | Nguyễn Tiến Nhượng      | 26/5/1942  | Phường Trần Hưng Đạo,<br>tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 2073/QĐ-<br>BTP ngày 31/8/2009  | Số 43/CCV<br>cấp ngày 24/12/2020     |                           |
| 58 | Hoàng Thị Thanh<br>Thủy | 06/6/1964  | Phường Dương Nội, thành<br>phố Hà Nội           | Quyết định số 03/QĐ-UB<br>ngày 05/01/1995     | Số 33.0095/CCV<br>cấp ngày 18/3/2026 |                           |
| 59 | Phạm Thị Lan            | 28/8/1960  | Phường Trần Lâm, tỉnh Hưng<br>Yên               | Quyết định số 1957/QĐ-<br>BTP ngày 05/11/2015 | Số 11/CCV<br>cấp ngày 04/4/2016      | VPCC Bùi Thị Lan          |
| 60 | Bùi Thị Lan             | 24/10/1960 | Phường Trần Hưng Đạo,<br>tỉnh Hưng Yên          | Quyết định số 77/QĐ-BTP<br>ngày 15/01/2016    | Số 12/CCV<br>cấp ngày 04/4/2016      |                           |
| 61 | Trần Mộng Lam           | 30/7/1959  | Xã Kiến Xương, tỉnh Hưng<br>Yên                 | Quyết định số 3436/QĐ-<br>BTP ngày 22/12/2014 | Số 30/CCV<br>cấp ngày 23/7/2018      | VPCC Trần Mộng Lam        |
| 62 | Ngô Xuân Huy            | 18/12/1987 | Khu Nhân Cầu 2, xã Hưng<br>Hà,<br>tỉnh Hưng Yên | Quyết định số 290/QĐ-BTP<br>ngày 17/02/2020   | Số 53/CCV<br>cấp ngày 10/7/2023      | VPCC Ngô Huy              |
| 63 | Trần Thị Nhiều          | 04/12/1958 | Xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng<br>Yên                  | Quyết định số 3103/QĐ-<br>BTP ngày 17/11/2014 | Số 54/CCV<br>cấp ngày 10/7/2023      |                           |
| 64 | Nguyễn Mạnh Cường       | 22/3/1974  | Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng<br>Yên                  | Quyết định số 713/QĐ-BTP<br>ngày 03/4/2013    | Số 28/CCV<br>cấp ngày 28/02/2018     | VPCC Nguyễn Mạnh<br>Cường |
| 65 | Nguyễn Tuyết Sơn        | 10/11/1957 | Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng<br>Yên                  | Quyết định số 707/QĐ-BTP<br>ngày 03/4/2013    | Số 36/CCV<br>cấp ngày 29/7/2019      |                           |
| 66 | Phạm Ngọc Dậu           | 23/9/1955  | Phường Trần Lâm, tỉnh Hưng<br>Yên               | Quyết định số 292/QĐ-BTP<br>ngày 17/02/2020   | Số 59/CCV<br>cấp ngày 04/10/2024     | VPCC Phạm Ngọc Dậu        |

|    |                      |            |                                                    |                                                                 |                                       |                    |
|----|----------------------|------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|
| 67 | Phạm Hồng Vân        | 04/4/1978  | Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                | Quyết định số 2349/QĐ-BTP ngày 29/10/2009                       | Số 60/CCV cấp ngày 04/10/2024         |                    |
| 68 | Phạm Văn Khanh       | 25/3/1967  | Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên                        | Quyết định số 02/QĐ ngày 05/6/1996                              | Số 33.0085/TP-CCV cấp ngày 10/6/2025  | VPCC Diêm Điền     |
| 69 | Nguyễn Xuân Mạnh     | 29/01/1981 | Xã Đông Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên                   | Quyết định số 2489/QĐ-BTP ngày 04/12/2017                       | Số 33.0086/TP-CCV cấp ngày 05/02/2025 |                    |
| 70 | Hà Anh Tuấn          | 14/7/1976  | Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên                     | Quyết định số 2048/QĐ-BTP ngày 20/7/2012                        | Số 66/CCV cấp ngày 06/01/2025         | VPCC Hà Anh Tuấn   |
| 71 | Vũ Thị Thêu          | 04/09/1990 | Tổ 14, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên              | Quyết định số:536/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên | 33.0089/CCV cấp ngày 11/12/2025       |                    |
| 72 | Phạm Thị Hoàn        | 13/4/1987  | Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên                    | Quyết định số 1658/QĐ-BTP ngày 02/8/2022                        | Số 68/CCV cấp ngày 11/4/2025          | VPCC Phạm Thị Hoàn |
| 73 | Đoàn Thị Bình        | 16/01/1962 | Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên                        | Quyết định số 664/QĐ-BTP ngày 28/4/2023                         | Số 69/CCV cấp ngày 11/4/2025          |                    |
| 74 | Trần Thị Vân Anh     | 20/9/1978  | Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên                        | Quyết định số 141/QĐ-BTP ngày 03/02/2017                        | Số 70/CCV cấp ngày 29/4/2025          | VPCC Trần Anh      |
| 75 | Nguyễn Thị Thu Hương | 01/10/1963 | Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên                        | Quyết định số 27/QĐ-BTP ngày 26/5/2004                          | Số 71/CCV cấp ngày 29/4/2025          |                    |
| 76 | Đỗ Việt Dũng         | 26/12/1957 | Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                           | Quyết định số 710/QĐ-BTP ngày 10/5/2023                         | Số 33.0075/CCV cấp ngày 10/7/2025     | VPCC Đào Huy Hoàng |
| 77 | Phạm Bá Tuyên        | 10/12/1945 | Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên                           | Quyết định số 1381/QĐ-BTP ngày 13/9/2007                        | Số 33.0076/CCV cấp ngày 10/7/2025     |                    |
| 78 | Trịnh Xuân Toàn      | 18/6/1960  | Xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên                         | Quyết định bổ nhiệm lại số 1730/QĐ-BTP ngày 10/8/2020           | Số 33.0077/CCV cấp ngày 25/7/2025     | VPCC Huy Giang     |
| 79 | Phùng Văn Kiên       | 30/07/1975 | KĐC Chi Ngãi 2, phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng | Quyết định bổ nhiệm lại số 1740/QĐ-BTP ngày 22/8/2016           | Số 33.0079/CCV cấp ngày 12/8/2025     |                    |

|    |                   |            |                                      |                                                                               |                                    |                |
|----|-------------------|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|
| 80 | Vũ Thị Thùy Ninh  | 01/12/1994 | Xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên           | Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội | 33.0088/TP-CCV cấp ngày 21/11/2025 |                |
| 81 | Nguyễn Minh Vương | 14/4/1988  | Phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội | Quyết định số 343/QĐ-BTP ngày 25/02/2020                                      | 33.0093/TP-CCV cấp ngày 04/3/2026  | VPCC Nghĩa Trụ |
| 82 | Vũ Thị Thảo       | 27/9/1991  | Phường Phú Lương, thành phố Hà Nội   | Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Chủ tịch UBND                   | 33.0094/TP-CCV cấp ngày 04/3/2026  |                |

**DANH SÁCH TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

| <b>STT</b> | <b>Tên tổ chức</b>                                             | <b>Địa chỉ, điện thoại</b>                                                                                                                                             | <b>Giám đốc/Trưởng Chi nhánh/Trưởng Văn phòng đại diện</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------|
| 1          | Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Hưng Yên                | - Cơ sở 1: Số 19, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên<br>- Cơ sở 2: Số 06, đường Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 02218552151 - 0913666659 | An Xuân Thụ                                                |                |
| 2          | Công ty Đấu giá hợp danh Sao Mai Group                         | Lô LK03-15, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên - ĐT: 0842129888                                                                                                              | Phạm Thị Mai                                               |                |
| 3          | Công ty đấu giá hợp danh Lạc Hồng                              | Số nhà 28, phố Phan Bội Châu, tổ 18, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 0936.669.678                                                                               | Nguyễn Đức Chục                                            |                |
| 4          | Công ty đấu giá hợp danh An Phát Việt Nam                      | Số nhà 440, đường Lý Thường Kiệt, tổ 10, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên                                                                                                | Trần Công Phú                                              |                |
| 5          | Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Thành Công                        | Số nhà 04, ngõ 08, phố Hoàng Hoa Thám, tổ 14, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                                                                                      | Đỗ Trọng Hiền                                              |                |
| 6          | Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Minh Đức                          | Lô 35 LK5, đường số 3, khu 2, khu đô thị 379, Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                                                                                             | Phạm Văn Hoàng                                             |                |
| 7          | Công ty đấu giá hợp danh AUC Việt Nam                          | Số 32 Vũ Trọng Phụng, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 0986822544                                                                                                   | Đặng Hồng Phương                                           |                |
| 8          | Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Đại Dương Long tại Hưng Yên | Số 64 Chu Mạnh Trinh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 0915149999                                                                             | Nguyễn Ngọc Liên                                           |                |
| 9          | Công ty đấu giá hợp danh tài sản quốc tế - Chi nhánh Hưng Yên  | Thôn Chi Lăng, xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên.<br>ĐT: 0973283442                                                                                                          | Nguyễn Bá Cường                                            |                |

|    |                                                                       |                                                                                                      |                  |                                         |
|----|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------|
| 10 | Công ty đấu giá hợp danh ĐG Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên             | Đường 379B, thôn Vàng, xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 0989775666                  | Bùi Ngô Mẫn      |                                         |
| 11 | Chi nhánh Công ty Đấu giá hợp danh Đại Việt tại Hưng Yên              | Thôn Như Lân, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 0828262654                 | Ngô Thu Nga      |                                         |
| 12 | Công ty Đấu giá hợp danh số 1 quốc gia- Chi nhánh Hưng Yên            | Thôn Hạ, xã An Vĩ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 0947919772                                 | Kiều Thị Nga     |                                         |
| 13 | Công ty đấu giá hợp danh tài sản Đông Đô - Chi nhánh Hưng Yên         | Số nhà 42 đường Triệu Quang Phục, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 0966056886 | Lê Thị Xuyên     |                                         |
| 14 | Công ty đấu giá hợp danh Bảo Phong - Chi nhánh Hưng Yên               | Số 153 Lê Thanh Nghị, phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên<br>ĐT: 02462722468                              | Nguyễn Đình Minh |                                         |
| 15 | CN công ty đấu giá hợp danh Bảo Minh tại Hưng Yên                     | VTDD-07 Khu đô thị Đại An, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên                              | Âu Xuân Ánh      | Tạm ngừng hoạt động đến ngày 31/12/2026 |
| 16 | Công ty đấu giá hợp danh Thăng Long - Chi nhánh Thái Bình             | Nhà ông Hoàng Dương, thôn Duy Tân, xã Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên                                       | Hoàng Thị Tú Anh |                                         |
| 17 | Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Hùng Vương tại Thái Bình           | Số nhà 03, ngõ 129, đường Nguyễn Danh Đới, tổ 4, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên                      | Phạm Quang Xá    |                                         |
| 18 | Công ty Đấu giá hợp danh Đại Thành Công Sài Gòn - Chi nhánh Thái Bình | Số nhà 22, ngõ 53, đường Ngô Văn Sở, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên                             | Nguyễn Tuấn Như  |                                         |
| 19 | Công ty đấu giá hợp danh tài sản Đông Đô - Chi nhánh Thái Bình        | Xóm 1, thôn Đông, xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên                                                          | Lê Thị Xuyên     |                                         |
| 20 | Công ty đấu giá hợp danh Trường Thành - Chi nhánh Thái Bình           | Số nhà 177A, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên<br>SĐT: 0948928525               | Phan Hương       | Tạm ngừng hoạt động đến ngày 20/01/2027 |
| 21 | Công ty đấu giá hợp danh Liên Việt - Chi nhánh Thái Bình              | Thôn Bắc, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên                                                                | Nguyễn Thị Ngu   |                                         |
| 22 | Công ty đấu giá hợp danh Khải Bảo - Chi nhánh Thái Bình               | Thôn Hoàn Từ, xã Bắc Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên                                                        | Phạm Văn Khánh   |                                         |

|    |                                                                  |                                                                                   |                   |  |
|----|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--|
| 23 | Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Hưng Yên        | Số 163, đường Nguyễn Trãi, tổ 4, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên<br>SĐT: 0915102408 | Đinh Trọng Trường |  |
| 24 | Công ty đấu giá hợp danh Quốc gia Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên  | Thôn Đông Quỳnh, xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên<br>SĐT: 0964553435                    | Lê Bá Thành       |  |
| 25 | Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Trường Sơn tại Hưng Yên       | Phố Tô Hiệu, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên<br>Điện thoại: 0906839558             | Trần Văn Long     |  |
| 26 | Văn phòng đại diện Hưng Yên - Công ty đấu giá hợp danh Đông Nam  | Khu dân cư mới Bảo Khê, tỉnh Hưng Yên                                             | Nguyễn Thanh Sơn  |  |
| 27 | Văn phòng đại diện của Công ty đấu giá hợp danh Đấu giá Việt Nam | TDP Xuân Trúc – Kiều Thạch, xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên                           | Phạm Huy Hoàng    |  |

**DANH SÁCH ĐẦU GIÁ VIÊN**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên Đầu giá viên</b> | <b>Số chứng chỉ hành nghề; ngày, tháng, năm cấp</b> | <b>Tên tổ chức</b>                              |
|------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1          | An Xuân Thư                   | Số 2195/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 13/04/2020              | Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản tỉnh Hưng Yên |
| 2          | Trịnh Văn Nhuận               | Số 2196/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 13/04/2020              |                                                 |
| 3          | Bùi Quang Anh                 | Số 2205/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 26/07/2021              |                                                 |
| 4          | Nguyễn Thị Như Hoa            | Số 769/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 25/6/2013                |                                                 |
| 5          | Nguyễn Anh Sơn                | Số 796/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 30/9/2013                |                                                 |
| 6          | Đỗ Thị Thu Thủy               | Số 1410/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 05/4/2016               |                                                 |
| 7          | Nguyễn Thị Phương Ngọc        | Số 1774/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 17/04/2017              |                                                 |
| 8          | Nguyễn Anh Tuấn               | Số 891/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 27/03/2014               |                                                 |
| 9          | Phạm Thị Mai                  | Số 2094/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 15/11/2017              | Công ty Đầu giá hợp danh Sao Mai Group          |
| 10         | Trịnh Văn Thắng               | Số 2231/TP/ ĐG-CCHN cấp ngày 10/08/2022             |                                                 |
| 11         | Nguyễn Hoàng Dũng             | Số 2315/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 20/02/2024              |                                                 |
| 12         | Đào Văn Hoàn                  | Số 04/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 09/11/2010                |                                                 |
| 13         | Mai Thị Dung                  | Số 2216/ TP/ĐG-CCHN cấp ngày 15/07/2022             |                                                 |
| 14         | Nguyễn Đức Chục               | Số 633/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 13/8/2012                | Công ty đầu giá hợp danh Lạc Hồng               |
| 15         | Trần Công Phú                 | Số 2273/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 17/10/2022              | Công ty đầu giá hợp danh An Phát Việt Nam       |
| 16         | Nguyễn Văn Lượng              | Số 1351/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 08/3/2016               |                                                 |
| 17         | Đỗ Trọng Hiền                 | Số 12/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 22/11/2010                | Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Thành Công         |
| 18         | Phạm Văn Hoàng                | Số 141/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 09/4/2011                | Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Minh Đức           |
| 19         | Đặng Hồng Phương              | Số 1167/TP/ĐG-CCHN cấp ngày 21/7/2015               | Công ty đầu giá hợp danh AUC Việt Nam           |

**DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b> | <b>Ngày, tháng, năm sinh</b> | <b>Số Quyết định bổ nhiệm; ngày, tháng, năm bổ nhiệm</b> | <b>Lĩnh vực</b>  | <b>Nơi làm việc</b>                      |
|------------|------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------|
| 1          | Nguyễn Văn Vinh  | 28/8/1973                    | Số: 2894/QĐ-BCA<br>Ngày: 02/05/2024                      | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 2          | Đoàn Thanh Hải   | 17/8/1977                    | Số: 1690/QĐ-UBND<br>Ngày: 01/09/2008                     | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 3          | Ngô Trung Kiên   | 26/8/1979                    | Số: 1128/QĐ-CTUBND<br>Ngày: 14/05/2018                   | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 4          | Lê Công Thạch    | 02/01/1985                   | Số: 2667/QĐ-UBND<br>Ngày: 03/12/2013                     | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 5          | Nguyễn Văn Cường | 14/9/1985                    | Số: 2033/QĐ-UBND<br>Ngày: 26/07/2016                     | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 6          | Phạm Minh Quang  | 09/06/1990                   | Số: 613/QĐ-CTUBND<br>Ngày: 01/03/2018                    | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 7          | Đoàn Thị Thu Vân | 05/12/1983                   | Số: 1002/QĐ-UBND<br>Ngày: 15/04/2020                     | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 8          | Đoàn Ngọc Linh   | 23/8/1983                    | Số: 1025/QĐ-UBND<br>Ngày: 20/04/2021                     | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |

|    |                       |            |                                      |                  |                                          |
|----|-----------------------|------------|--------------------------------------|------------------|------------------------------------------|
| 9  | Nguyễn Văn Thái       | 02/03/1984 | Số: 625/QĐ-UBND<br>Ngày: 24/03/2016  | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 10 | Phạm Văn Bình         | 29/11/1987 | Số: 1173/QĐ-UBND<br>Ngày: 21/05/2018 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 11 | Đỗ Thị Hồng Nhung     | 27/4/1981  | Số: 3136/QĐ-UBND<br>Ngày: 25/12/2014 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 12 | Phan Thị Thu Hà       | 12/08/1979 | Số: 3136/QĐ-UBND<br>Ngày: 25/12/2014 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 13 | Nguyễn Thị Hằng       | 21/3/1984  | Số: 2666/QĐ-UBND<br>Ngày: 03/12/2013 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 14 | Nguyễn Thế Anh        | 09/12/1987 | Số: 534/QĐ-UBND<br>Ngày: 03/03/2016  | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 15 | Hoàng Quốc Khánh      | 11/05/1981 | Năm: 2010<br>Nơi BN: Bộ Tư pháp      | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 16 | Phạm Công Thiên Hương | 29/10/1980 | Số: 1026/QĐ-UBND<br>Ngày: 20/04/2021 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 17 | Vũ Thị Mai Hương      | 06/09/1984 | Số: 1173/QĐ-UBND<br>Ngày: 21/05/2018 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 18 | Bùi Xuân Trường       | 10/12/1979 | Số: 1173/QĐ-UBND<br>Ngày: 08/06/2021 | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 19 | Trần Thị Thu Trang    | 02/10/1986 | Số: 2568/QĐ-UBND<br>Ngày: 30/10/2020 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |

|    |                    |            |                                      |                  |                                               |
|----|--------------------|------------|--------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------|
| 20 | Nguyễn Văn Chương  | 24/10/1986 | Số: 1173/QĐ-UBND<br>Ngày: 21/05/2018 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 21 | Lê Duy Khánh       | 10/09/1987 | Số: 534/QĐ-UBND<br>Ngày: 15/8/2016   | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 22 | Nguyễn Thành Trang | 10/01/1987 | Số: 3136/QĐ-UBND<br>Ngày: 25/12/2014 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 23 | Nguyễn Hoàng Minh  | 09/02/1988 | Số: 1173/QĐ-UBND<br>Ngày: 21/05/2018 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 24 | Trần Quang Huy     | 22/9/1988  | Số: 1143/QĐ-UBND<br>Ngày: 10/05/2017 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 25 | Trần Quang Huynh   | 24/10/1989 | Số: 564/QĐ-UBND<br>Ngày: 07/03/2016  | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 26 | Trương Quang Huy   | 09/10/1989 | Số: 978/QĐ-UBND<br>Ngày: 18/4/2018   | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 27 | Nguyễn Hoàng Hà    | 20/01/1991 | Số: 448/QĐ-UBND<br>Ngày: 28/01/2021  | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 28 | Hoàng Thị Kim Oanh | 23/02/1991 | Số: 1962/QĐ-UBND<br>Ngày: 25/08/2020 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 29 | Trương Minh Quân   | 02/01/1992 | Số: 999/QĐ-UBND<br>Ngày: 15/04/2020  | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh      |
| 30 | Vũ Tuấn Anh        | 07/11/1994 | Số: 2539/QĐ-UBND<br>Ngày: 30/10/2020 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh Hưng |

|    |                    |            |                                      |                  | Yên                                      |
|----|--------------------|------------|--------------------------------------|------------------|------------------------------------------|
| 31 | Đoàn Thị Thủy      | 23/5/1995  | Số: 5430/QĐ-BCA<br>Ngày: 23/07/2024  | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 32 | Lâm Minh Đức       | 07/11/1996 | Số: 1176/QĐ-UBND<br>Ngày: 05/08/2022 | Kỹ thuật hình sự | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 33 | Nguyễn Duy Quỳnh   | 05/12/1996 | Số: 2182/QĐ-UBND<br>Ngày: 09/10/2024 | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 34 | Đặng Quang Thanh   | 18/12/1997 | Số: 1478/QĐ-UBND<br>Ngày: 25/06/2025 | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 35 | Trần Quang Chung   | 27/11/1997 | Số: 1258/QĐ-UBND<br>Ngày: 23/06/2025 | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 36 | Vũ Văn Trung       | 18/6/1986  | Số 462/QĐ-SYT<br>Ngày: 03/4/2026     | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 37 | Đỗ Tiến Đạt        | 11/3/1997  | Số 1961/QĐ-UBND<br>Ngày: 23/6/2026   | Pháp y           | Phòng Kỹ thuật hình sự<br>- Công an tỉnh |
| 38 | Nguyễn Thành Trung | 29/6/1976  | Số 2646/QĐ-UBND<br>Ngày: 15/11/2022  | Văn hóa          | Sở Văn hóa, Thể thao<br>và Du lịch       |
| 39 | Đào Văn Quyển      | 06/3/1978  | Số 2646/QĐ-UBND<br>Ngày: 15/11/2022  | Văn hoá          | Sở Văn hóa, Thể thao<br>và Du lịch       |
| 40 | Vũ Nguyên Lý       | 23/01/1976 | Số 2646/QĐ-UBND<br>Ngày: 15/11/2022  | Văn hoá          | Sở Văn hóa, Thể thao<br>và Du lịch       |

|    |                  |            |                                     |                              |                                                |
|----|------------------|------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|
| 41 | Nguyễn Thị Chanh | 28/8/1986  | Số 2073/QĐ-UBND<br>Ngày: 29/7/2018  | Thông tin và Truyền<br>thông | Sở Văn hóa, Thể thao<br>và Du lịch             |
| 42 | Trần Mạnh Hà     | 21/5/1973  | Số 856/QĐ-UBND<br>Ngày: 20/5/2011   | Pháp y                       | Trung tâm Pháp y và<br>Giám định Y khoa        |
| 43 | Sái Văn Huỳnh    | 14/8/1965  | Số 546/QĐ-UBND<br>Ngày: 07/3/2023   | Pháp y                       | Trung tâm Pháp y và<br>Giám định Y khoa        |
| 44 | Lâm Quang Tập    | 22/10/1978 | Số 545/QĐ-UBND<br>Ngày: 07/3/2023   | Pháp y                       | Trung tâm Pháp y và<br>Giám định Y khoa        |
| 45 | Hoàng Bằng Giang | 01/12/1979 | Số 1881/QĐ-UBND<br>Ngày: 26/8/2019  | Pháp y                       | Trung tâm Pháp y và<br>Giám định Y khoa        |
| 46 | Đào Tuấn Anh     | 29/8/1981  | Số 2565/QĐ-UBND<br>Ngày: 02/11/2020 | Pháp y                       | Trung tâm Pháp y và<br>Giám định Y khoa        |
| 47 | Nguyễn Thị Loan  | 16/11/1988 | Số 2564/QĐ-UBND<br>Ngày: 02/11/2020 | Pháp y                       | Trung tâm Pháp y và<br>Giám định Y khoa        |
| 48 | Nguyễn Thu Hà    | 29/4/1985  | Số 2566/QĐ-UBND<br>Ngày: 02/11/2020 | Pháp y                       | Trung tâm Pháp y và<br>Giám định Y khoa        |
| 49 | Nguyễn Văn Ninh  | 04/6/1987  | Số 1675/QĐ-UBND<br>Ngày: 31/7/2023  | Pháp y                       | Trung tâm Bảo trợ xã<br>hội tổng hợp Thái Bình |
| 50 | Trần Ngọc Quyết  | 30/9/1988  | Số 2891/QĐ-UBND<br>Ngày: 15/10/2019 | Pháp y                       | Trung tâm Pháp Y và<br>Giám định Y khoa        |
| 51 | Hà Trung Kiên    | 08/4/1977  | Số 1665/QĐ-UBND<br>Ngày: 01/9/2010  | Pháp y                       | Bệnh viện Đa khoa Thái<br>Bình                 |

|    |                  |            |                                    |        |                                           |
|----|------------------|------------|------------------------------------|--------|-------------------------------------------|
| 52 | Nguyễn Đức Thái  | 18/01/1966 | Số 1665/QĐ-UBND<br>Ngày: 01/9/2010 | Pháp y | Bệnh viện Đa khoa Thái Bình               |
| 53 | Mai Văn Tư       | 24/05/1971 | Số 1665/QĐ-UBND<br>Ngày: 01/9/2010 | Pháp y | Bệnh viện Đa khoa Thái Bình               |
| 54 | Nguyễn Đức Thuận | 08/10/1980 | Số 1716/QĐ-UBND<br>Ngày: 29/5/2026 | Pháp y | Trung tâm pháp y và giám định Y khoa tỉnh |
| 55 | Đình Quang Diễn  | 29/7/1986  | Số 1716/QĐ-UBND<br>Ngày: 29/5/2026 | Pháp y | Trung tâm pháp y và giám định Y khoa tỉnh |
| 56 | Nguyễn Thị Tuyết | 01/12/1990 | Số 1716/QĐ-UBND<br>Ngày: 29/5/2026 | Pháp y | Trung tâm pháp y và giám định Y khoa tỉnh |

**DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b>    | <b>Ngày, tháng, năm, sinh</b> | <b>Lĩnh vực chuyên môn</b>   | <b>Nơi làm việc hiện nay</b>    |
|------------|---------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| 1          | Nguyễn Thị Thanh    | 18/3/1976                     | Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 2          | Nguyễn Thị Chanh    | 28/8/1986                     | Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 3          | Phạm Đăng Ninh      | 01/01/1981                    | Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 4          | Lê Thị Nhuận        | 13/7/1985                     | Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 5          | Đỗ Thị Xòe          | 26/10/1987                    | Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 6          | Đặng Thị Thúy Diệu  | 18/4/1981                     | Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 7          | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 27/10/1990                    | Thông tin, Báo chí, Xuất bản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 8          | Bùi Anh Lâm         | 18/8/1981                     | Công nghệ thông tin          | Sở Khoa học và Công nghệ        |

## DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH THEO VỤ VIỆC

| STT | Tên tổ chức                                     | Nội dung giám định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Lĩnh vực chuyên môn | Địa chỉ trụ sở                                                                                                                                   | Số điện thoại | Email                   | Ghi chú                                                               |
|-----|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty CP tư vấn xây dựng và công nghệ ATP     | 1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng<br>2. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng<br>3. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng<br>4. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng.<br>5. Giám định tư pháp về chất lượng công trình xây dựng – bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; giám định nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng<br>6. Giám định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng.<br>7. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình | Lĩnh vực Xây dựng   | Số 33, đường Nguyễn Văn Huyền, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (nay là số 33, đường Nguyễn Văn Huyền, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên) | 0976.610.667  | phamtuan.tvxd@gmail.com | Theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên |
| 2   | Công ty TNHH tư vấn kiểm định xây dựng Hưng Yên | 1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng.<br>2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Lĩnh vực Xây dựng   | Thôn Tiên Quán, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Tiên Quán, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên)                             | 0982 555 386  | thinghiem386@gmail.com  | Theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên |

|   |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                                                                                                                                                                 |              |                        |                                                                              |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                 | <p>3. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng</p> <p>4. Giám định tư pháp về chất lượng công trình xây dựng – bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; giám định nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng</p> <p>5. Giám định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng.</p> <p>6. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình</p> |                   |                                                                                                                                                                                 |              |                        |                                                                              |
| 3 | Công ty TNHH tư vấn khảo sát địa chất và xây dựng Hưng Yên                                                                      | <p>1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng.</p> <p>2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng.</p> <p>3. Giám định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng.</p> <p>4. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình</p>                                                                                            | Lĩnh vực Xây dựng | Số 8 đường Chùa Chuông, P.Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (nay là số 8, đường Chùa Chuông, P.Phổ Hiến, tỉnh Hưng Yên)                                                     | 0372.955.770 | daibui300795@gmail.com | <i>Theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên</i> |
| 4 | Trung tâm tư vấn Giao thông Vận tải (nay sáp nhập là Viện Quy hoạch, thiết kế và kiểm định xây dựng thuộc Sở Xây dựng Hưng Yên) | <p>1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng</p> <p>2. Giám định tư pháp về chất lượng công trình xây dựng – bộ phận công trình xây dựng; giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; giám</p>                                                                                                                                                 | Lĩnh vực Xây dựng | Trụ sở làm việc chính: Nhà chức năng trong khu nhà ở sinh viên, đường Trần Quang Khải, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (nay là phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên) | 0983.755.898 | halong.gtv@gmail.com   | <i>Theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên</i> |

|   |                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                   |                                                                                                                                                                                                  |               |                        |                                                                                   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                                                                           | <p>định nguyên nhân hư hỏng công trình xây dựng</p> <p>3. Giám định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng.</p> <p>4. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình</p>                                                                                                     |                   | <p>Trụ sở 2: Thôn Phụng Tường, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên)</p>                                                                           |               |                        |                                                                                   |
| 5 | Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Bắc                                                                                                                                                        | Giám định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm xây dựng.                                                                                                                                                                                                                              | Lĩnh vực Xây dựng | Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên)                                                                                                                  | 0912.576.106  | tranoanhng74@gmail.com | <i>Theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên</i>      |
| 6 | Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Thái Bình trực thuộc Sở Xây dựng Thái Bình (nay sáp nhập là Viện Quy hoạch, thiết kế và kiểm định xây dựng thuộc Sở Xây dựng Hưng Yên) | Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng                                                                                                                                                                                     | Lĩnh vực Xây dựng | <p>- Trụ Sở chính: Nhà chức năng trong khu nhà ở sinh viên, đường Trần Quang Khải, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên</p> <p>- Cơ sở 2: Số 138, đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên</p> | 02273.845.443 |                        | <i>Theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Thái Bình (cũ)</i> |
| 7 | Công ty cổ phần 1285                                                                                                                                                                      | <p>1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng</p> <p>2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình</p> <p>3 Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng</p> | Lĩnh vực Xây dựng | Số nhà 15, ngách 09, ngõ 68, tổ 09, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên).                                                                | 02273.745.222 | las1285.ccqc@gmail.com | <i>Theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Thái Bình (cũ)</i> |

|   |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                   |                                                                                                                               |               |                                 |                                                                                   |
|---|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                  | 3. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình<br>4. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                                                                                                               |               |                                 |                                                                                   |
| 8 | Công ty CP tư vấn quy hoạch khảo sát thiết kế xây dựng Thái Bình | 1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng<br>2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình<br>3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng<br>4. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình<br>5. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan. | Lĩnh vực Xây dựng | Số 188, đường Hai Bà Trưng, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên). | 02273.641.252 | TV_THIETKE<br>XAYDUNG_TB@VNN.VN | <i>Theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Thái Bình (cũ)</i> |
| 9 | Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Toàn Thắng              | 1. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình;<br>2. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Lĩnh vực Xây dựng | Số 69, đường Doãn Khuê, xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên).               | 02273.842.764 | toanthanglas567@gmail.com       | <i>Theo Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Thái Bình (cũ)</i> |

**DANH SÁCH TRUNG TÂM TƯ VẤN PHÁP LUẬT**

| <b>STT</b> | <b>Tổ chức tư vấn pháp luật</b>                                 | <b>Số Giấy Đăng ký hoạt động; ngày, tháng, năm cấp</b> | <b>Địa chỉ trụ sở</b>                                                  | <b>Danh sách tư vấn viên pháp luật, luật sư</b>                                  | <b>Giám đốc trung tâm</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1          | Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội Nông dân tỉnh Hưng Yên         | Số 04-01/TP/ĐKHHĐ-TT cấp ngày 29/6/2009                | Đường Quảng Trường, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên | Nguyễn Văn Cồ, thẻ tư vấn viên pháp luật số 01 cấp ngày 29/6/2009                | Nguyễn Văn Cồ             |
|            |                                                                 |                                                        |                                                                        | Nguyễn Hữu Trường, thẻ tư vấn viên pháp luật số 02 cấp ngày 29/6/2009            |                           |
| 2          | Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hưng Yên | Số 03/TP/ĐKHHĐ-TT cấp ngày 10/10/2013                  | Đường Quảng Trường, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên | Đinh Thị Hương, thẻ tư vấn viên pháp luật số 05 cấp ngày 10/10/2013              | Đinh Thị Hương            |
|            |                                                                 |                                                        |                                                                        | Nguyễn Thanh Huyền, thẻ tư vấn viên pháp luật số 06 cấp ngày 10/10/2013          |                           |
| 3          | Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội Luật gia tỉnh Hưng Yên         | Số 02/TP/ĐKHHĐ-TT cấp ngày 13/11/2025                  | Số 19, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên                     | Nguyễn Xuân Trường, thẻ tư vấn viên pháp luật số 01/TP-TVVPL cấp ngày 13/11/2025 | Nguyễn Xuân Trường        |
|            |                                                                 |                                                        |                                                                        | Phạm Thị Liễu Lập, thẻ tư vấn viên pháp luật số 02/TP-TVVPL cấp ngày 13/11/2025  |                           |

|   |                                                                                                                                |                                                            |                                                              |                                                                                      |               |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 4 | Trung tâm tư vấn pháp luật và bảo trợ tư pháp cho người nghèo tỉnh Hưng Yên thuộc Hội Bảo trợ tư pháp cho người nghèo Việt Nam | Số 01/TP/ĐKHĐ-TT<br>cấp ngày 24/9/2025<br>(cấp lại lần 01) | Số 09, đường 50,<br>tổ 21, phường Trần Lãm, tỉnh<br>Hưng Yên | Trần Thế Vọng,<br>thẻ tư vấn viên pháp luật số<br>03/TP-TVVPL cấp ngày<br>25/12/2025 | Trần Thế Vọng |
|   |                                                                                                                                |                                                            |                                                              | Hà Thị Thu Hiền, thẻ tư vấn<br>viên pháp luật số 04/TP-<br>TVVPL ngày 25/12/2025     |               |
|   |                                                                                                                                |                                                            |                                                              | Lê Minh Thứ, thẻ tư vấn viên<br>pháp luật số 05/TP-TVVPL<br>ngày 25/12/2025          |               |
|   |                                                                                                                                |                                                            |                                                              | Nguyễn Văn Thiệp, thẻ tư vấn<br>viên pháp luật số 06/TP-<br>TVVPL ngày 25/12/2025    |               |
|   |                                                                                                                                |                                                            |                                                              | Trần Anh Dũng, thẻ tư vấn<br>viên pháp luật số 07/TP-<br>TVVPL ngày 25/12/2025       |               |

**DANH SÁCH HÒA GIẢI VIÊN THƯỜNG MẠI VỤ VIỆC**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b> | <b>Ngày, tháng, năm sinh</b> | <b>Nơi thường trú</b>                                    | <b>Nghề nghiệp</b> |
|------------|------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|
| 1          | Lê Thị Thu       | 16/06/1994                   | Thôn Khóa Nhu 2, xã Yên Hòa, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên | Luật sư            |
| 2          | Phạm Đình Hiệu   | 24/08/1993                   | Xã Hà Giang, tỉnh Hưng Yên                               | Luật sư            |

**DANH SÁCH QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b>   | <b>Năm sinh</b> | <b>Chứng chỉ hành nghề<br/>Quản tài viên</b> | <b>Địa chỉ giao dịch</b>                                                                | <b>Thông báo cho phép đăng ký<br/>hành nghề quản lý, thanh lý<br/>tài sản</b> |
|------------|--------------------|-----------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Trần Đăng Minh     | 1982            | Số 161/TP/QTV-CCHN<br>cấp ngày 29/7/2015     | Xóm Miếu, thôn Nội Lễ, xã<br>Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng<br>Yên                           | Số 634/TB-STP ngày 18/7/2016                                                  |
| 2          | Đào Ngọc Dương     | 1986            | Số 1753/TP/QTV-CCHN<br>cấp ngày 10/11/2021   | Số 12, Hồ Xuân Hương, phường<br>phổ Hiến, tỉnh Hưng Yên                                 | Số 1439/TB-STP ngày<br>06/12/2021                                             |
| 3          | Phạm Thị Kiều Hưng | 1984            | Số 1741/TP/QTV-CCHN<br>cấp ngày 10/11/2021   | Cầu Ngọc, thôn Nhân Vũ, xã<br>Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên                                | Số 725/TB-STP ngày 13/7/2022                                                  |
| 4          | Nguyễn Hồng Chuẩn  | 1977            | số 283/TP/QTV-CCHN<br>cấp ngày 6/7/2022      | thôn Đoan Khê, xã lạc Đạo, tỉnh<br>Hưng Yên                                             | Số 787/TB-STP ngày 19/6/2021                                                  |
| 5          | Phạm Văn Hoàng     | 1977            | Số 37/TP/QTV-CCHN<br>cấp ngày 23/6/2015      | Lô 35 LK5, đường số 3, khu 2,<br>khu đô thị 379, phường Trần<br>Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên | Số 496/STP-BTTP ngày<br>20/8/2015                                             |
| 6          | Nguyễn Văn Hải     | 1967            | Số 38/TP/QTV-CCHN<br>cấp ngày 23/6/2015      | Số nhà 240, phố Trần Thánh<br>Tông, phường Trần Hưng Đạo,<br>tỉnh Hưng Yên              | Số 496/STP-BTTP ngày<br>20/8/2015                                             |
| 7          | Lê Tiến Dũng       | 1955            | Số 639/TP/QTV-CCHN<br>cấp ngày 23/6/2015     | SN 84, ngõ 16, phố Đoàn<br>Nguyên Tuấn, tổ 15, phường<br>Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên   | Số 205/STP-BTTP ngày<br>18/5/2016                                             |